

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

CHỈ THỊ số 160-HDBT ngày 16-9-1982 về những chủ trương, biện pháp nhằm tiếp tục thực hiện nghị quyết số 148 - CP ngày 7-4-1981 của Hội đồng Chính phủ về phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lương thực và nông nghiệp toàn diện lớn nhất của nước ta. Sau một năm rưỡi thực hiện nghị quyết số 148-CP ngày 7-4-1981 của Hội đồng Chính phủ, tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp ở vùng này có những tiến bộ: diện tích, năng suất, sản lượng lúa đều tăng hơn trước, đáng chú ý là diện tích lúa cao sản ngày càng mở rộng. Việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp đạt được kết quả bước đầu, nhất là việc làm thủy lợi và ứng dụng các loại giống mới có năng suất cao, chống được rầy nâu và sâu bệnh. Công tác điều chỉnh ruộng đất và cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp được chú ý hơn. Tình hình giảm sút trong ngư nghiệp đã được ngăn chặn và bắt đầu có phát triển. Việc huy động lương thực và thu mua nông sản có nhiều cố gắng.

Tuy nhiên, kết quả đạt được còn thấp so với khả năng và yêu cầu. Việc tăng vụ và thâm canh, tăng năng suất lúa chưa được coi trọng đúng mức, nhất là việc thâm canh đối với lúa mùa; sản lượng màu giảm sút, việc chế biến, bảo quản, thu mua, tiêu thụ màu chưa tốt. Việc phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi đạt kết quả còn thấp. Nghề khai thác thủy sản chưa đạt bằng mức trước chiến tranh; rừng bị phá rất nghiêm trọng.

Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu; việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật còn nhiều mặt chưa thỏa đáng, nhất là về thủy lợi. Việc điều chỉnh ruộng đất, và hợp tác hóa nông nghiệp tiến hành chậm; chưa gắn chặt cải tạo nông nghiệp với cải tạo công, thương nghiệp. Công tác phân phối, lưu thông còn rất phức tạp, chưa phục vụ tốt việc thúc đẩy sản xuất của vùng cũng như việc thu mua năm nguồn hàng của Nhà nước.

Nghị quyết số 148-CP ngày 7-4-1981 của Hội đồng Chính phủ về phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long là sự vận dụng đường lối chung và đường lối kinh tế phù hợp với điều kiện cụ thể của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Để tiếp tục thực hiện tốt những nhiệm vụ, mục tiêu và biện pháp đề ra trong nghị quyết ấy, trong 3 năm còn lại của kế hoạch 1981—1985, các địa phương và các ngành có liên quan phải làm tốt những việc chủ yếu sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản và công tác phân vùng, quy hoạch, tổ chức lại sản xuất.

Phải tập trung lực lượng cán bộ của các địa phương và các ngành tiến hành khẩn trương công tác điều tra tài nguyên thiên nhiên và xã hội, công tác đo đạc, đăng ký, thống kê, phân hạng ruộng đất và đẩy mạnh công tác phân vùng, quy hoạch nông — lâm — ngư nghiệp gắn với quy hoạch công nghiệp, giao thông vận tải và quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Từ quy hoạch tổng thể, phải xác định quy hoạch từng vùng, từng địa bàn cụ thể (tỉnh, huyện, xã, ấp). Xác định một cách vững chắc cơ cấu kinh tế, xác định và bố trí mùa vụ cây trồng, bố trí chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản thích hợp với điều kiện cụ thể từng nơi. Đặc biệt, phải hoàn chỉnh nhanh quy hoạch các vùng lúa cao sản, vùng

chuyên canh cây, con xuất khẩu để kịp bố trí kế hoạch đầu tư và thực hiện ngay từ đầu năm 1983. Đồng thời tiến hành khẩn trương công tác đo đạc, đăng ký, thống kê, phân hạng ruộng đất để điều chỉnh ruộng đất. Công tác quy hoạch tổng thể và cụ thể, công tác đo đạc, đăng ký, thống kê và điều chỉnh ruộng đất đều phải nỗ lực hoàn thành vào năm 1983.

Trong quy hoạch, phải thể hiện rõ phương hướng sản xuất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Về lương thực, phải tăng nhanh sản xuất lúa, thực hiện thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích, nhưng quan trọng và chủ yếu hiện nay là thâm canh và tăng vụ, đặc biệt là tập trung xây dựng nhanh các vùng lúa cao sản. Đồng thời coi trọng màu, mở rộng diện tích ngô, khoai lang, trên cơ sở thực hiện thâm canh; có kế hoạch tổ chức tốt việc thu mua, chế biến, bảo quản, vận chuyển màu và sử dụng màu để chăn nuôi, khuyến khích dùng màu phù hợp với đặc điểm của vùng. Về cây thực phẩm và cây công nghiệp, phát triển mạnh đậu tương, lạc, các loại đậu đỗ để tăng nguồn thực phẩm và cải tạo đất, tạo mặt hàng xuất khẩu quan trọng. Mở rộng diện tích trồng mía, để đẩy mạnh sản xuất đường; phát triển mạnh các cây đay, cói, dâu tằm, nhất là đay; đẩy mạnh việc trồng dưa ở các khu vực tập trung, nhất là ven biển. Phát triển các loại cây ăn quả phù hợp với yêu cầu xuất khẩu và khả năng chế biến. Về chăn nuôi, chú trọng đẩy mạnh chăn nuôi lợn, trâu, bò, gà vịt, nhất là vịt nuôi theo thời vụ.

Về thủy sản, tận dụng mọi diện tích mặt nước mặn, lợ, ngọt để nuôi thủy sản, chú trọng áp dụng rộng rãi kinh nghiệm nuôi tôm ở ruộng lúa, nuôi tôm ở rừng nước ngập, nuôi tôm ở đồng muối để nhanh chóng nâng sản lượng tôm, nhất là các loại tôm có giá trị xuất khẩu cao... Phát triển lực lượng đánh cá thủ công, cơ giới nhỏ; khôi phục các nghề đáy sông, đáy

biển, nghề xiệp. Ngành thủy sản cần mở rộng kinh doanh xuất, nhập khẩu để tự giải quyết nhu cầu xăng dầu, phụ tùng, ngư cụ, đồng thời làm tốt các khâu thu mua, chế biến, vận chuyển, bảo quản để phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

Về lâm nghiệp, phải có biện pháp tích cực chống tệ phá rừng bừa bãi, quản lý, bảo vệ tốt rừng hiện có. Trong những năm 1982 - 1985, đẩy mạnh trồng rừng tập trung và phát triển rộng khắp phong trào nhân dân trồng cây để giải quyết gỗ nhỏ và củi đun tại chỗ.

2. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tập trung vào các mục tiêu sau đây:

— Về thủy lợi, trước hết phải tận dụng mọi điều kiện thuận lợi của thiên nhiên, gắn thủy lợi với cải tạo đất; tiến hành khảo sát, thiết kế các công trình một cách vững chắc, vừa làm trước mắt, vừa chuẩn bị cho kế hoạch thủy lợi lâu dài, trước mắt chú trọng phát triển thủy lợi nhỏ và vừa, tập trung khai thác tốt các công trình thủy lợi đã xây dựng, đẩy mạnh việc đào kênh dẫn nước và tiêu nước, làm cống, bọng, củng cố đê bao; tranh thủ làm một số công trình hợp tác với các tổ chức quốc tế.

Ngành thủy lợi phải phụ trách từ công trình đầu mối đến việc đưa nước vào mặt ruộng, cần huy động thêm nữa sức đóng góp của nhân dân vào công tác thủy lợi.

— Về phân bón, trước hết phải đặc biệt quan tâm phát động phong trào quần chúng làm các loại phân hữu cơ (phân chuồng, phân xanh); coi trọng việc làm chuồng để tận dụng nguồn phân lợn, phân trâu bò. Phân dậu mỗi hecta gieo trồng lúa có khoảng 3 - 4 tấn phân chuồng, phân xanh và nhiều hơn nữa đối với lúa

cao sản. Mặt khác, phải bảo đảm mức cung ứng phân hóa học bằng hai cách: Nhà nước cung cấp và địa phương xuất để nhập thêm.

— Về sức kéo và công cụ lao động, phải giải quyết phụ tùng, cung ứng đủ xăng dầu và tổ chức tốt việc sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý sử dụng để phát huy cao năng lực các máy kéo hiện có; đồng thời Nhà nước tăng thêm máy kéo cho đồng bằng sông Cửu Long. Hết sức coi trọng việc xây dựng, củng cố các cơ sở máy kéo quốc doanh. Làm thử ở một số nơi việc bán máy kéo các loại cho hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Phải đẩy mạnh việc chăn nuôi để tăng nhanh đàn trâu bò cày kéo; coi trọng phát triển trâu bò tại chỗ, nhất là trâu bò sinh sản, khuyến khích gia đình nuôi nhiều trâu bò. Chú ý giải quyết tốt yêu cầu về các loại công cụ cầm tay ở các địa phương.

— Về giống, phải kết hợp Nhà nước, tập thể, nhân dân cùng làm để bảo đảm được cơ cấu giống tốt và có đủ giống các loại cây, con (giống lúa, màu, đậu, đậu tương, các loại gia súc). Xây dựng rộng rãi mạng lưới cơ sở giống của huyện, của hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, kết hợp với hộ nhân dân để nhân các loại giống tốt cung ứng cho sản xuất. Cơ quan nông nghiệp các cấp phải hướng dẫn kỹ thuật làm giống, kiểm tra chất lượng giống và hướng dẫn phân phối giống. Bộ Nông nghiệp sớm trình Chính phủ quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền mình chính sách về giống cây, con, giá công làm giống, khen thưởng tập thể và cá nhân có công trong việc làm giống.

Tăng cường công tác bảo vệ thực vật và thú y, chú trọng hướng dẫn nhân dân làm tốt việc phòng, trừ dịch bệnh, cung cấp đủ phương tiện và thuốc cần thiết, bảo đảm thực hiện công tác này một cách toàn diện, chủ động, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất.

— Về điện, giải quyết đủ dầu, phụ tùng nhất là phụ tùng của các nước tư bản và tìm mọi cách để sử dụng hết công suất của nhà máy điện Trà Nóc, các trạm điện đi-ê-den và các đường dây tải điện hiện có. Đồng thời đẩy mạnh xây dựng để phát triển các đường dây chuyên tải và lưới điện phân phối, tăng thêm một số trạm điện đi-ê-den cho đồng bằng sông Cửu Long; phát động phong trào tiết kiệm điện, chống tệ ăn cắp điện.

— Về cơ khí, xây dựng và sắp xếp lại hệ thống cơ khí từ tỉnh đến huyện, xã, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, phân công rõ ràng, nhằm phục vụ tốt nhất cho nông nghiệp, chú trọng cơ khí sửa chữa máy móc, công cụ nông nghiệp, chế tạo các nông cụ cầm tay và cải tiến. Ở xã, ấp, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, cần khôi phục và phát triển các lò rèn, các cơ sở mộc để sửa chữa và chế tạo nông cụ thông dụng.

— Về giao thông vận tải, trước hết phải phát huy ưu thế về vận tải thủy; xây dựng các cảng biển, cảng sông như Cần Thơ, Mỹ Thới, Long Bình Tân, Mỹ Tho, Minh Hải, Bến Tre, Kiên Giang, tiếp tục nạo vét các luồng Đại Ngãi — Bạc Liêu, Rạch Giá — Kiên Lương, Kênh Xáng Xã No và luồng Định An, khu vực cảng Cần Thơ, Trà Nóc.

Huy động sức dân và vốn địa phương phát triển đường bộ nông thôn đến tận xã, ấp, xóm; tập trung sửa chữa kịp thời, không để xuống cấp quốc lộ 4 và các đường liên tỉnh 30 và 80.

— Về vật liệu xây dựng, phát triển nhanh việc sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, các cấu kiện để xây dựng nhà ở và xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long. Bộ Xây dựng phải có biện pháp quản lý, sản xuất đá để giải quyết đủ đá cho xây dựng, thủy lợi và cho các ngành; giúp các tỉnh, huyện, xã xây dựng các cơ sở làm gạch, ngói, chất lợp khác (phi-bờ-

rôxi-măng) để phục vụ xây dựng nông thôn và có thêm hàng trao đổi với nông dân.

— Phát triển rộng rãi phong trào ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Áp dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật đã được xét duyệt về giống cây, con, về thủy lợi, làm đất, cải tạo đất (chua, phèn, mặn), sử dụng phân bón, phòng trừ sâu bệnh và nâng cao năng suất trong chăn nuôi. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh các tiến bộ kỹ thuật để xét duyệt sớm đưa vào sản xuất. Đồng thời, khoa học kỹ thuật phải góp phần vào công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, xây dựng kế hoạch trong những năm tới và xa hơn. Các viện nghiên cứu, trường đại học, trung học chuyên nghiệp... phải thực sự tham gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trên cơ sở thực hiện hợp đồng kinh tế với các địa phương, cơ sở sản xuất.

— Về cung ứng vật tư, phải bảo đảm cung ứng xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, phụ tùng... cho nông nghiệp theo kế hoạch được phân phối và kịp thời vụ sản xuất. Phải nghiên cứu thống nhất việc quản lý, phân phối vật tư nông nghiệp cho hợp lý và đỡ rối cho bên dưới.

— Về công nghiệp chế biến, phải đẩy mạnh việc xây dựng sân phơi, nhà kho, sửa chữa và xây dựng mới cơ sở xay xát lúa gạo, bảo đảm tốt yêu cầu của công tác thu mua, bảo quản lương thực. Phát triển cơ sở chế biến nông sản, hải sản, nhất là cơ sở chế biến đường, dứa, dưa, dứa, giết mổ lợn, vịt, và cơ sở chế biến tôm, cá. Phát triển cơ sở chế biến thức ăn gia súc phục vụ chăn nuôi, kể cả việc sản xuất các chất tăng trọng cho gia súc. Việc xây dựng mạng lưới cơ sở chế biến nông sản, hải sản phải gắn chặt với sản xuất, vận tải và tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trên từng địa bàn cụ thể.

3. Đẩy mạnh việc phân bố lao động. Từng địa phương phải điều tra, nắm thật chắc số lao động, nghề nghiệp... và có kế hoạch phân công, phân bố lại lao động trong từng cơ sở, từng huyện và toàn tỉnh. Phải đầu tư lao động thích đáng cho đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất lúa, màu, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng, đồng thời mở mang ngành nghề, phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Sơ kết việc giãn dân, đón dân và chuẩn bị tốt cho kế hoạch tiếp nhận nhân dân trong thời gian tới. Có biện pháp thiết thực để hạn chế sinh đẻ, cố gắng hạ tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên xuống dưới 2‰.

4. Chấn chỉnh công tác phân phối, lưu thông. Phải lập lại trật tự và cải tiến công tác, thu mua lương thực và nông sản, thực phẩm, thực hiện tốt hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, bảo đảm tập trung được nguồn hàng lương thực và nông sản, thực phẩm vào tay Nhà nước. Mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và hợp tác xã mua bán) đến tận cơ sở thành thị và nông thôn để tiến tới nắm toàn bộ khâu bán buôn và đại bộ phận khâu bán lẻ. Giá cả là vấn đề hết sức phức tạp, cần nghiên cứu để hệ thống giá ngày càng hoàn chỉnh. Trước mắt, phải chấp hành nghiêm chỉnh chính sách giá cả của Nhà nước đã ban hành, giữ tỷ giá trao đổi giữa các loại vật tư chủ yếu với lúa và giá chỉ đạo mua bán cụ thể các loại hàng trong quan hệ trao đổi với nông dân; chống khuynh hướng chạy theo cơ chế giá thị trường, đồng thời nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung những điểm cần thiết cho sát với thực tế phát triển; xây dựng những chính sách mới cần thiết nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển và thu mua nắm nguồn hàng vào tay Nhà nước. Quản lý chặt chẽ tài chính và tiền tệ, giáo dục ý thức đóng góp thuế và nghĩa vụ, chống thất thu thuế nông nghiệp, thuế sát sinh và thuế công

thương nghiệp, tích cực huy động tiền mặt trong nhân dân, kể cả ngoại hối để sử dụng vào sản xuất kinh doanh có lợi cho nền kinh tế quốc dân. Quản lý chặt chẽ thị trường.

5. Phát huy tiềm lực của đồng bằng sông Cửu Long về xuất khẩu để nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp. Bộ Ngoại thương phải nghiên cứu kỹ thị trường, giá cả, xác định rõ các mặt hàng xuất khẩu và cùng với các tỉnh quy hoạch lại sản xuất để ổn định mặt hàng xuất khẩu. Khuyến khích các tỉnh xuất, nhập khẩu trực tiếp dưới sự quản lý thống nhất của Bộ Ngoại thương.

Đẩy mạnh sự hợp tác giữa các tỉnh, đặc biệt là sự hợp tác giữa các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với thành phố Hồ Chí Minh về các mặt, nhất là về cơ khí, chế biến, sản xuất phụ tùng thay thế, sản xuất hàng tiêu dùng và khoa học — kỹ thuật; nội dung hợp tác phải ghi vào kế hoạch Nhà nước và thực hiện theo hợp đồng kinh tế ký kết giữa các địa phương.

6. Đẩy mạnh việc điều chỉnh ruộng đất và cải tạo quan hệ sản xuất.

Phải nhanh chóng hoàn thành việc điều chỉnh ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long để trên cơ sở đó tiến hành khẩn trương và vững chắc việc tập thể hóa nông nghiệp dưới các hình thức từ thấp đến cao. Việc đẩy mạnh hợp tác hóa phải nhằm tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất. Phải làm sao làm ăn tập thể hơn hẳn làm ăn cá thể. Đồng thời phải coi trọng việc xây dựng hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng và tổ chức đời sống mới ở nông thôn, nhằm làm nổi bật tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với nông dân, nhất là tầng lớp trung nông. Các tỉnh phải tập trung sức chỉ

đạo chặt chẽ phong trào hợp tác hóa, bảo đảm hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm này. Ở những nơi đã xây dựng tập đoàn sản xuất cần có kế hoạch tích cực chuẩn bị điều kiện đưa lên hình thức hợp tác xã với quy mô hợp lý mới có điều kiện tốt để phân bố lao động hợp lý và phát triển ngành nghề, xây dựng nền móng của cơ cấu kinh tế nông—công nghiệp. Đồng thời, phải đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp, vận tải và công nghiệp tư nhân với các hình thức thích hợp.

7. Đẩy mạnh công tác giáo dục, y tế, văn hóa và xây dựng nông thôn mới. Phải có kế hoạch tích cực giải quyết tốt vấn đề giáo viên và trường học để phát triển công tác giáo dục phổ thông, nhanh chóng xóa bỏ tình hình trẻ em đến tuổi học không được đi học. Đẩy mạnh công tác xóa nạn mù chữ và bồi túc văn hóa.

Củng cố và mở rộng mạng lưới y tế từ tỉnh đến tập đoàn sản xuất; lấy y tế trên địa bàn huyện làm trọng tâm; bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có cơ cấu đồng bộ và chất lượng ngày càng cao và phát triển mạnh mẽ việc trồng cây thuốc để chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho nhân dân. Tăng cường công tác vệ sinh, phòng bệnh và phòng dịch, nhất là vệ sinh môi trường, trước hết là giải quyết vấn đề phân và tạo nguồn nước sạch để uống.

Đẩy mạnh công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới và có kế hoạch từng bước tổ chức lại việc ăn, ở cho phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh việc xây dựng các công trình phục vụ đời sống văn hóa ở xã như nhà văn hóa, thư viện, đài truyền thanh v.v... đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, chiếu bóng và thể dục, thể

thao ở nông thôn. Phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng bài trừ mê tín dị đoan và rượu chè ăn uống linh đình.

8. Xây dựng và tăng cường cấp huyện và củng cố cơ sở. Trước mắt chú trọng xác định hợp lý bộ máy, tăng cường cán bộ có năng lực, thông thạo nghiệp vụ cho cấp huyện; tiếp tục phân cấp cho huyện quản lý những cơ sở sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống nằm gọn trong huyện, đồng thời chú ý xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và kiện toàn cấp xã, ấp.

9. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Ban tổ chức của Chính phủ, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, các ngành liên quan phải giúp các địa phương làm tốt việc quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật và kinh tế, nghiệp vụ đáp ứng kịp yêu cầu của phát triển sản xuất và xây dựng. Trước mắt, từng địa phương phải cân đối, điều chỉnh số cán bộ hiện có của các tỉnh để tăng cường cho huyện và cơ sở; điều động từ các ngành trung ương, các tỉnh khác để bổ sung cho tỉnh, huyện và cơ sở của đồng bằng sông Cửu Long, với tinh thần là thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về khuyến khích cán bộ được điều động tăng cường cho huyện và cơ sở, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ phục vụ lâu dài.

Đồng thời, phải hết sức coi trọng việc đào tạo cán bộ kỹ thuật, quản lý kinh tế, nghiệp vụ tại vùng đồng bằng sông Cửu Long bằng cách tận dụng khả năng của trường đại học Cần Thơ, các trường trung học trong vùng..., mở thêm các phân hiệu, cơ sở đào tạo tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long để đào tạo nhanh cán bộ có trình độ thực hành khá theo hướng tuyển

chọn người địa phương gửi đi đào tạo và về phục vụ địa phương.

10. Chỉ đạo thực hiện. Các ngành, các địa phương phải chủ động hợp tác với nhau để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Các ngành phải đưa các công việc phục vụ phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long vào kế hoạch ngành, đồng thời phải có biện pháp thực hiện đồng bộ và cải tiến việc điều hành công việc để giải quyết các vấn đề đặt ra được kịp thời, có hiệu lực, đạt hiệu quả cao. Các ngành phải phân công một đồng chí lãnh đạo chuyên trách công việc của ngành mình về phục vụ phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long, và một bộ phận cán bộ giúp Bộ giải quyết công việc kịp thời, có hiệu lực.

Các địa phương thuộc đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn mình phụ trách.

Hội đồng bộ trưởng tăng cường sự lãnh đạo tập thể đối với việc phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thường vụ Hội đồng bộ trưởng giải quyết các vấn đề lớn có liên quan nhiều lĩnh vực. Các đồng chí Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng phụ trách lĩnh vực nào thì chịu trách nhiệm phụ trách, chỉ đạo lĩnh vực đó ở đồng bằng sông Cửu Long, và thường xuyên phối hợp, bàn bạc để giải quyết tốt các vấn đề liên quan.

Phải coi trọng và làm tốt việc chỉ đạo làm thử, chỉ đạo điển hình; kịp thời phổ biến các kinh nghiệm tốt, nhân các điển hình tốt ra diện rộng một cách vững chắc; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết số 148-CP để kịp thời khẳng định những việc làm đúng, phát hiện những thiếu sót để uốn nắn.

Thường vụ Hội đồng bộ trưởng và các ngành trung ương, mỗi năm phải vào làm việc với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long từ một đến hai lần để kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết số 148-CP.

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 1982
T.M. Hội đồng bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 1982
T.M. Hội đồng bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 163-HDBT ngày 23-9-1982 về thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam thuộc dân tộc ít người.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ vào điểm 4, điều 14, chương II Luật nghĩa vụ quân sự;

Theo đề nghị của bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Những hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam thuộc 47 dân tộc ít người (ghi trong danh mục kèm theo quyết định này) được phục vụ tại ngũ trong thời hạn là 2 năm (hai năm).

Điều 2. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, bộ trưởng các Bộ, chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng

DANH MỤC của 47 dân tộc có thời hạn phục vụ tại ngũ là hai năm

(ban hành kèm theo quyết định số 163-HDBT ngày 23-9-1982 của Hội đồng bộ trưởng).

- | | |
|-----------------------|------------------|
| 1. Mông (Mèo, Mẹo) | 20. Thổ |
| 2. Dao | 21. Mạ |
| 3. Gia Rai | 22. Tà ôi (Pacô) |
| 4. E Đê | 23. Co |
| 5. Ba nar | 24. Kháng |
| 6. Cao Lan — Sán chay | 25. Hà Nhi |
| 7. Chăn (Chàm) | 26. Xinh Mun |
| 8. Xê Đăng | 27. Châu Ro |
| 9. Cơ Ho | 28. Chu Ru |
| 10. H'Ré | 29. Lào |
| 11. Sán Diu | 30. La Chí |
| 12. Raglai | 31. Phù Lá |
| 13. Mnông | 32. La Hụ |
| 14. S'tiêng | 33. La Ha |
| 15. Bru-vân kiều | 34. Lự |
| 16. Dáy | 35. Lô Lô |
| 17. Ka tu | 36. Pà Thên |
| 18. Khơ mú (Xá, Tinh) | 37. Mảng |
| 19. Dié tiêng | 38. Chứt |